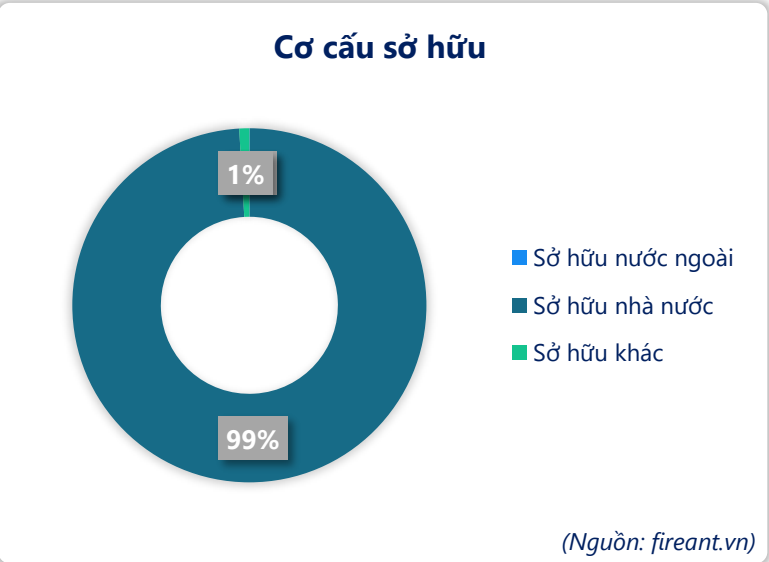
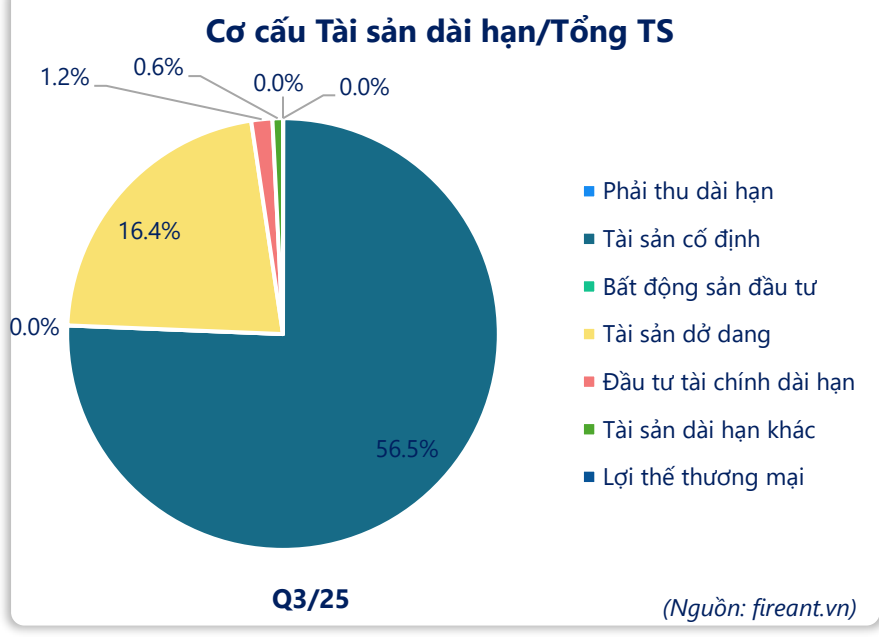
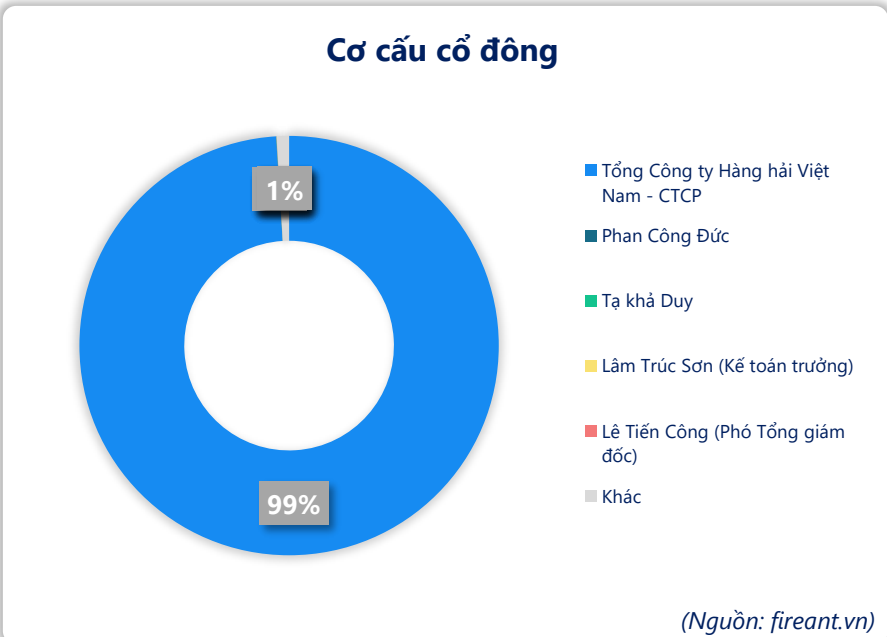
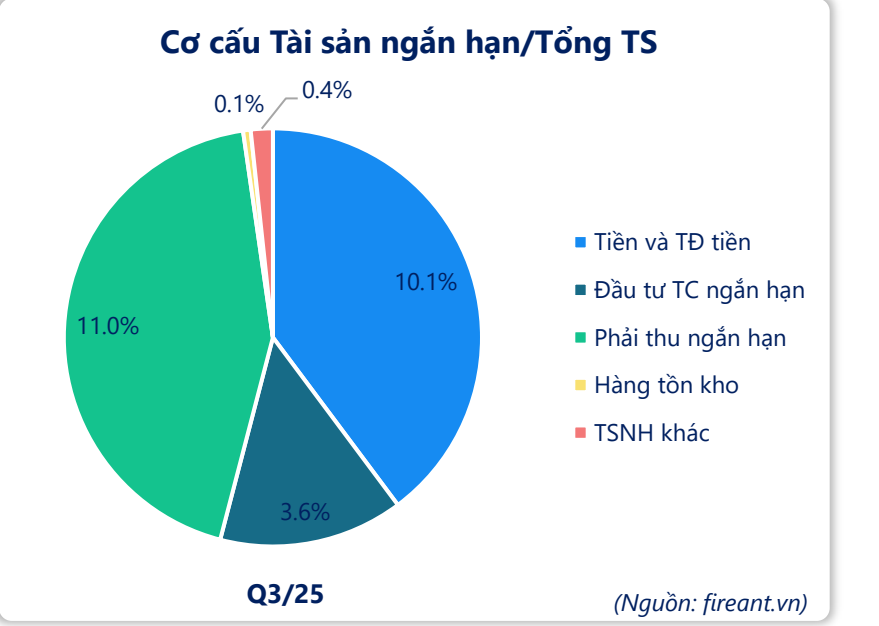
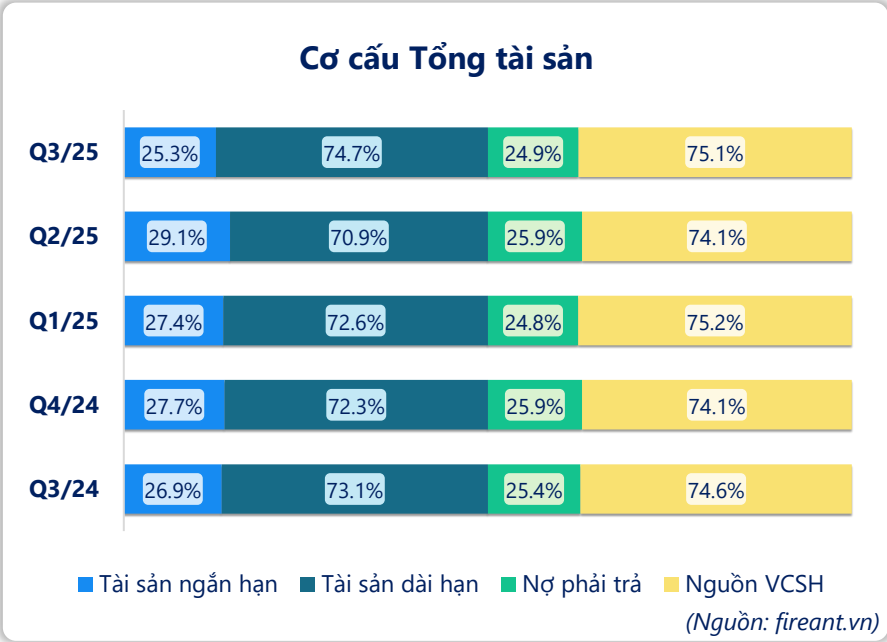


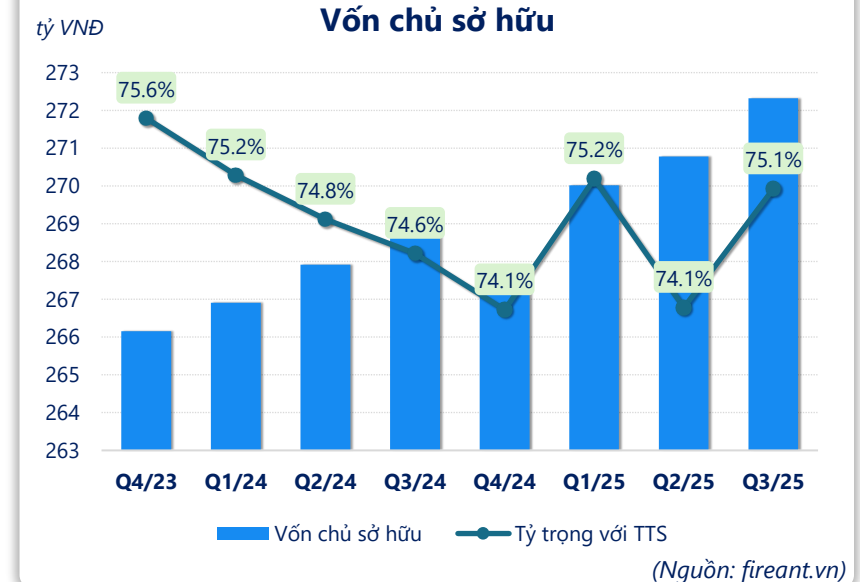
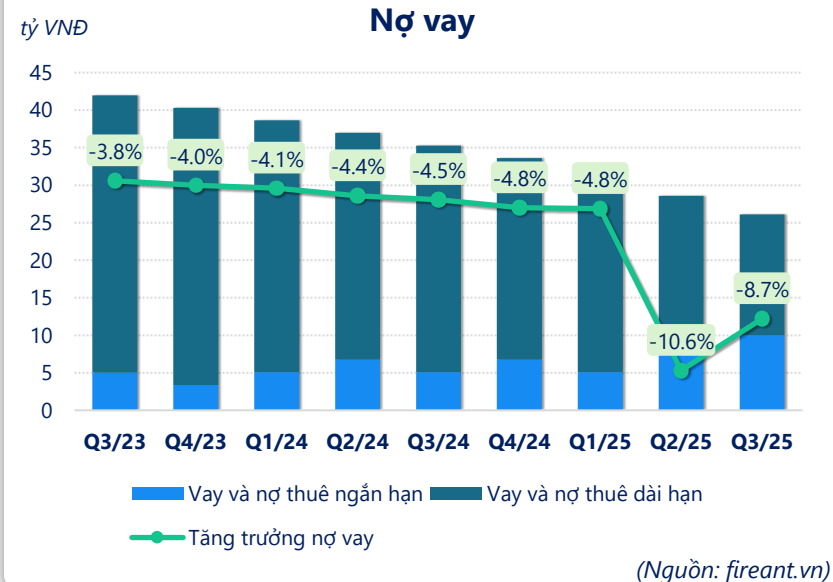
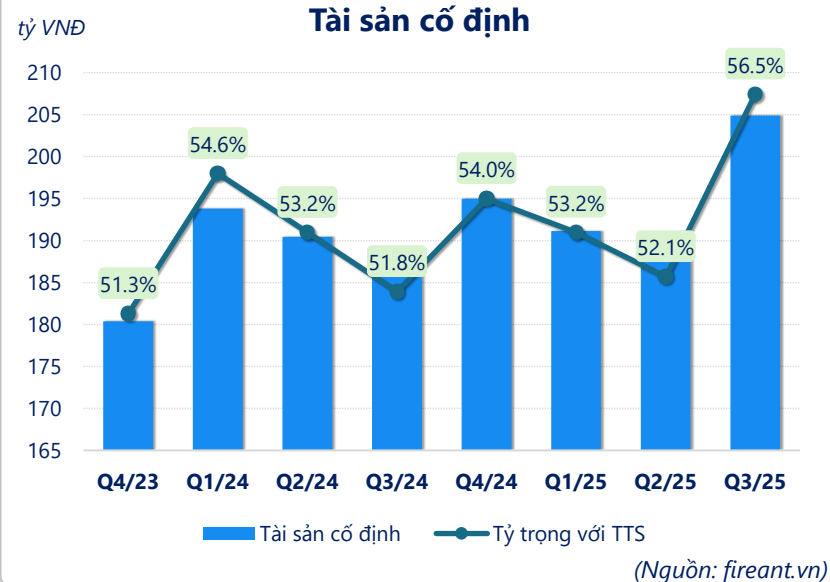
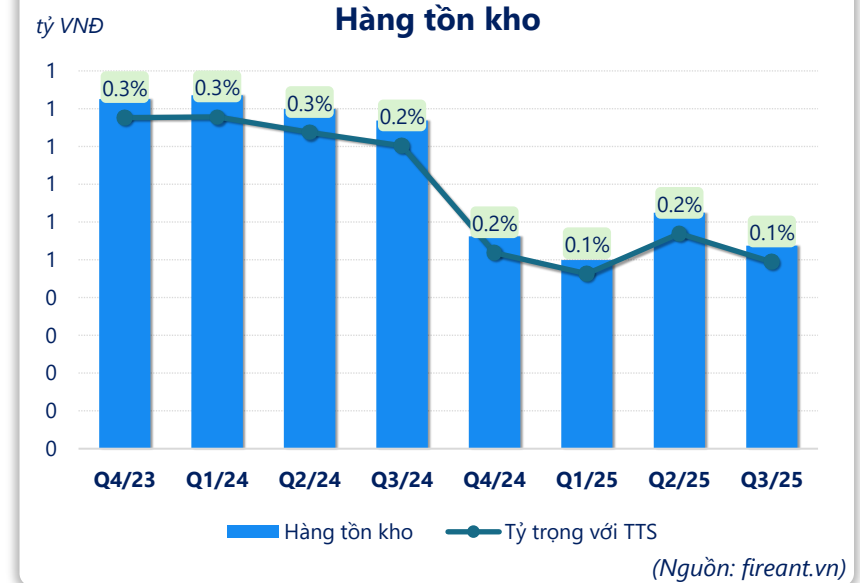
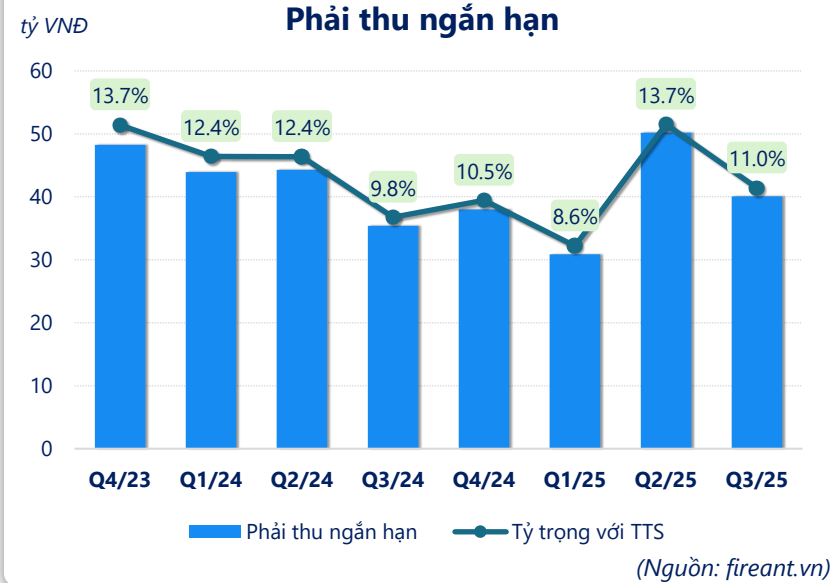
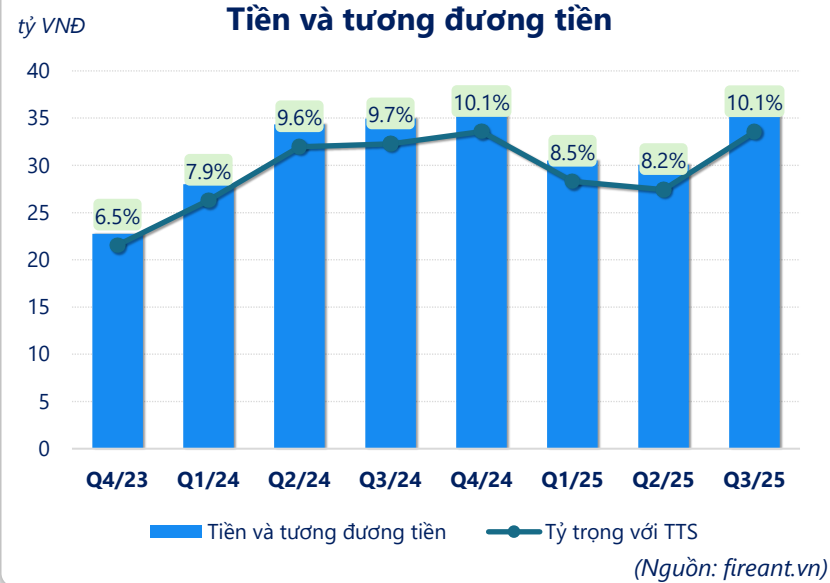
Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		13,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		18,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,400
SL cổ phiếu LH		28,480,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		225
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		370
P/E		70.8
EPS		184

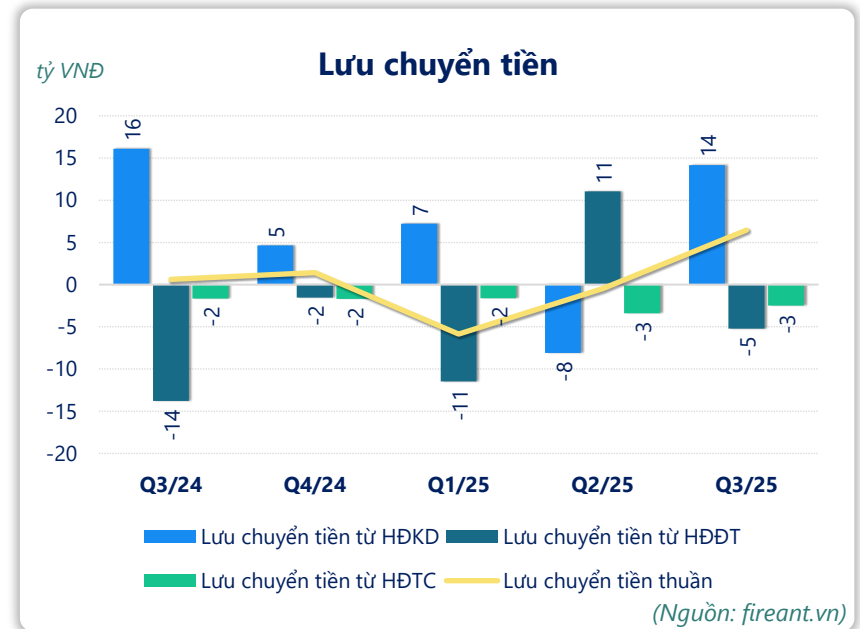
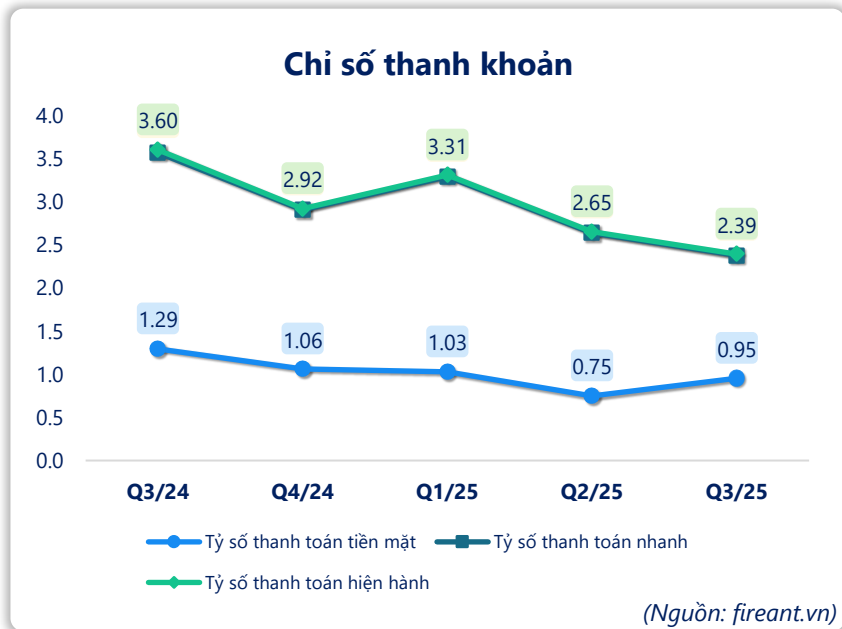
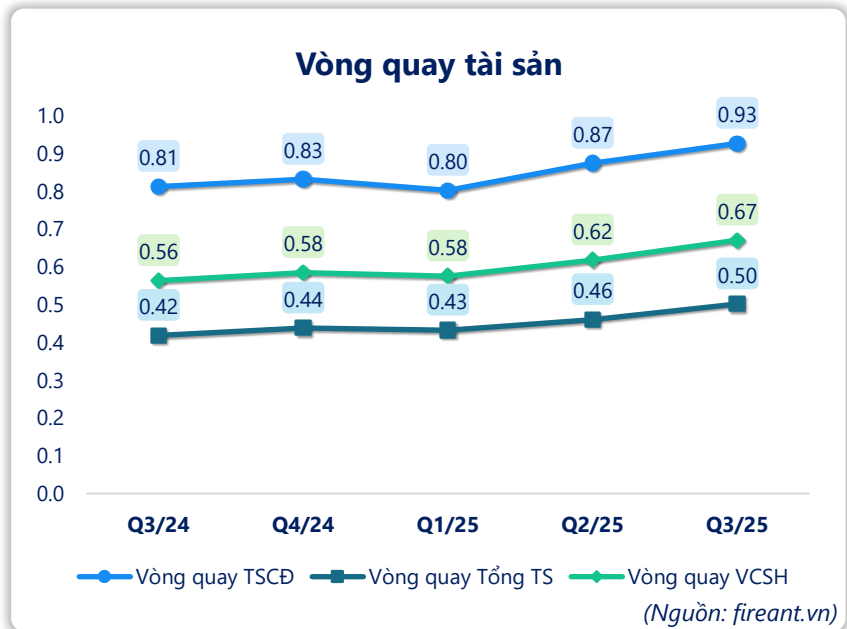
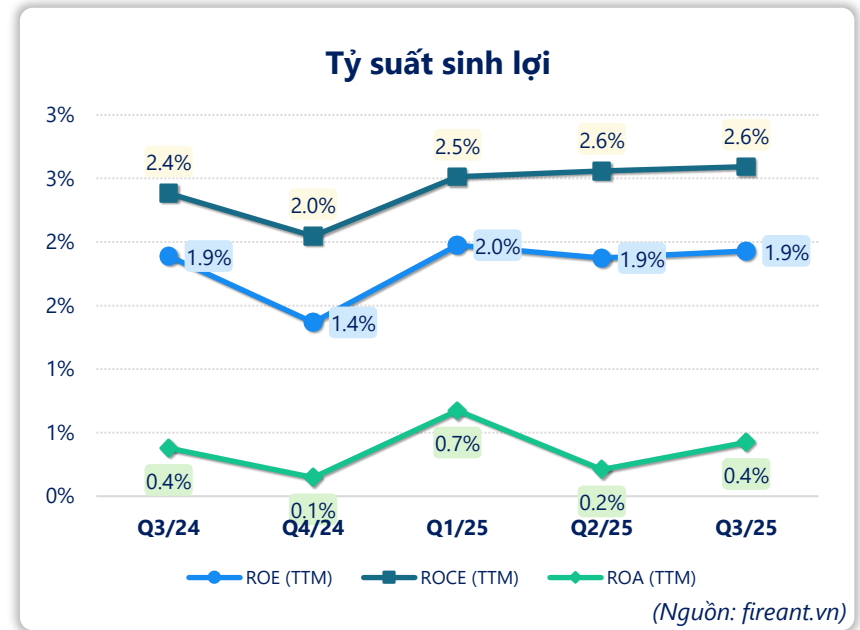
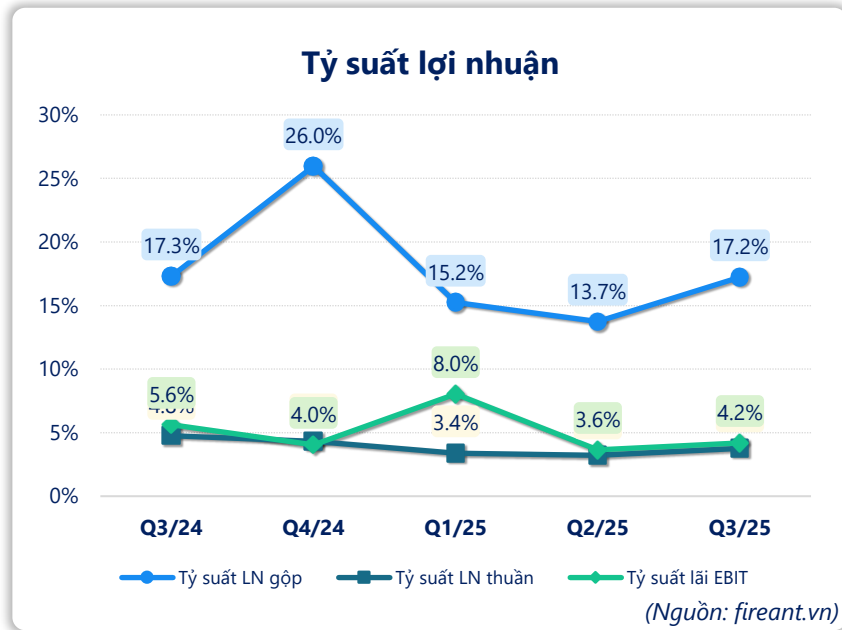
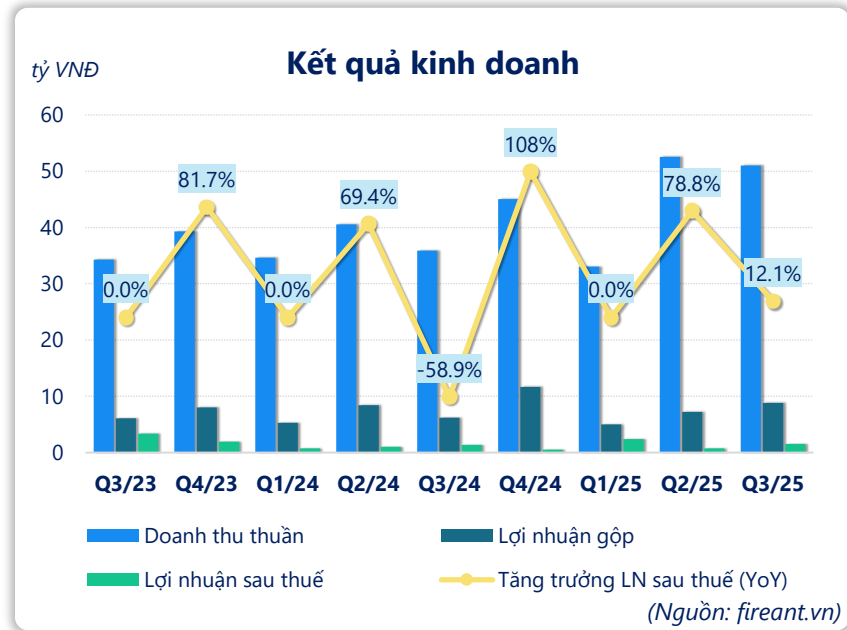
	YTD	1T	3T	6T
CCT	35.4%	0.0%	0.0%	13.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%



CTCP Cảng Cần Thơ (UPCOM: CCT)







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	363	361	0.5%
Tài sản ngắn hạn	91.8	100	-8.4%
Tiền và tương đương tiền	36.5	36.4	0.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.1	24.9	-47.4%
Phải thu ngắn hạn	40.0	38.0	5.4%
Hàng tồn kho	0.54	0.56	-4.3%
Tài sản ngắn hạn khác	1.56	0.33	379%
Tài sản dài hạn	271	261	3.8%
Phải thu dài hạn	0.07	0.07	0.0%
Tài sản cố định	205	195	5.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	59.6	60.6	-1.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.27	4.27	0.0%
Tài sản dài hạn khác	2.13	1.06	100%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	90.4	93.5	-3.3%
Nợ ngắn hạn	38.3	34.3	11.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	10.0	6.72	48.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	10.6	17.0	-37.7%
Nợ dài hạn	52.1	59.2	-12.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	16.1	26.9	-40.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	272	268	1.8%
Vốn chủ sở hữu	272	268	1.8%
Vốn điều lệ	275	275	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	35.9	45.0	33.0	52.6	51.0
Giá vốn hàng bán	29.7	33.3	28.0	45.3	42.2
Lợi nhuận gộp	6.21	11.7	5.03	7.22	8.79
Doanh thu HĐTC	0.34	0.42	0.40	0.44	0.40
Chi phí TC	0.32	0.53	0.25	0.24	0.22
Chi phí lãi vay	0.32	0.30	0.25	0.24	0.22
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.05	0.12	0.10	0.02	0.02
Chi phí QLDN	4.47	9.52	3.97	5.71	7.03
LN thuần từ HĐKD	1.71	1.95	1.12	1.69	1.92
Lợi nhuận khác	0.00	-0.43	1.29	-0.01	0.00
LN trước thuế	1.70	1.52	2.40	1.68	1.92
Lợi nhuận sau thuế	1.36	0.53	2.40	0.76	1.54
LNST của CĐ cty mẹ	1.36	0.53	2.40	0.76	1.54

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	16.1	4.64	7.23	-8.11	14.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-13.8	-1.54	-11.5	11.0	-5.20
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.66	-1.70	-1.62	-3.38	-2.50
Tiền đầu kỳ	34.3	35.0	36.4	30.5	30.1
Lưu chuyển tiền thuần	0.62	1.41	-5.86	-0.46	6.46
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	35.0	36.4	30.5	30.1	36.5

(Nguồn: fireant.vn)